

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PƯH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày tháng 12 năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhon Hòa định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH  
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 17/9/2010 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhon Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhon Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND huyện Chư Pưh tại Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị thông qua dự án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhon Hòa định hướng đến năm 2030, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhon Hòa định hướng đến năm 2030, với các nội dung chính như sau:

**1. Tên quy hoạch:** Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhon Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

**2. Địa điểm và ranh giới quy hoạch:**

\* Địa điểm quy hoạch: Thị trấn Nhon Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

\* Ranh giới quy hoạch:

- Phía Bắc giáp xã Ia Hnú.

- Phía Nam giáp xã Ia Phang.

- Phía Đông giáp xã Ia Hnú và xã Ia Phang;

- Phía Tây giáp xã Chư Don.

### 3. Quy mô quy hoạch:

- Quy mô dân số định hướng đến năm 2030 : 17.000 người.
- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2030 : 480 ha - 500 ha.
- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị : 150 - 170 m<sup>2</sup>/người.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: lập quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ: 1/5.000.

### 4. Tính chất đô thị và các chỉ tiêu quy hoạch:

#### 4.1. Tính chất đô thị:

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - TDTT, thương mại dịch vụ và an ninh quốc phòng của huyện Chư Pưh.

#### 4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch:

##### a. Chỉ tiêu về sử dụng đất:

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị loại V : 150 - 170 m<sup>2</sup>/người, trong đó:
  - + Chỉ tiêu sử dụng đất ở đô thị : 40 - 80m<sup>2</sup>/người.
  - + Chỉ tiêu đất công trình công cộng : 6 - 12 m<sup>2</sup>/người.
  - + Chỉ tiêu đất cây xanh : 7- 9 m<sup>2</sup>/người.
  - + Chỉ tiêu đất giao thông :  $\geq 18\%$  diện tích đất xây dựng đô thị.

(Các chỉ tiêu sẽ được tính toán cụ thể trong quá trình triển khai nghiên cứu quy hoạch)

##### \* Quy mô đất xây dựng đô thị :

- + Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng 440 ha - 450 ha
- + Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 480 ha - 500 ha.

##### b. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

**Bảng chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật**

| STT | Hạng mục                                                            | Đơn vị<br>Tính     | Năm tính         |                  |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|------------------|
|     |                                                                     |                    | 2025             | 2030             |
| 1   | <b>Giao thông:</b>                                                  |                    |                  |                  |
|     | Đường chính đô thị                                                  |                    |                  |                  |
|     | - Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới $\geq 11.5m$ ) | km/km <sup>2</sup> | $\geq 6$         | $\geq 8$         |
|     | - Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị                                   | %                  | $\geq 18$        | $\geq 18$        |
|     | - Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng                        | %                  | $\geq 1$         | $\geq 2$         |
| 2   | <b>Cấp nước:</b>                                                    |                    |                  |                  |
|     | - Nhu cầu cấp nước sinh hoạt                                        | L/người/ngày       | $\geq 80$        | 100              |
|     | - Tỷ lệ cấp nước                                                    | %                  | $\geq 80$        | 100              |
| 3   | <b>Thoát nước bẩn, quản lý CTR và nghĩa trang:</b>                  |                    |                  |                  |
|     | - Tiêu chuẩn thoát nước thải dân dụng                               | % cấp nước         | 80%              | 80%              |
|     | - Thu gom chất thải rắn                                             |                    |                  |                  |
|     | + Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh                                | (kg/ng- ng)        | 0,8              | 0,8              |
|     | + Tỷ lệ thu gom                                                     | %                  | $\geq 85$        | 100              |
|     | - Nghĩa trang                                                       | ha                 | <10              | <10              |
| 4   | <b>Cấp điện:</b>                                                    |                    |                  |                  |
|     | - Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt (phụ tải)                           | W/người            | 330              | 330              |
|     | - Tiêu chuẩn cấp điện Công cộng và dịch vụ                          |                    | 30%<br>sinh hoạt | 30%<br>sinh hoạt |

### 5. Nội dung điều chỉnh quy hoạch chung:

## **5.1. Định hướng phát triển không gian đô thị:**

### **\* Phân vùng phát triển đô thị:**

Theo địa giới hành chính của thị trấn Nhơn Hòa, thì việc định hướng phát triển đô thị theo các hướng chính như sau:

- Hướng Đông: là hướng phát triển chính của thị trấn Nhơn Hòa, có quỹ đất thuận lợi thuộc địa giới hành chính của thị trấn.
- Ngoài ra có thể phát triển 1 phần về hướng Bắc, Đông Bắc và Tây Bắc.
- Hướng Tây và hướng Nam giáp ranh với xã Chư Don và xã Ia Phang nên không còn nhiều quỹ đất để phát triển.

### **\* Định hướng các giai đoạn phát triển cho đô thị:**

- Theo dự báo phát triển dân số đến năm 2025 thì dân số thị trấn là 15.000 dân, đến năm 2030 thì dân số thị trấn là 17.000 dân. Quy mô đất đai đến năm 2025 là 440 - 450 ha và đến năm 2030 là 480 - 500 ha.

- Trên cơ sở tính toán đề xuất điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhơn Hòa đến năm 2030 với quy mô 480 - 500 ha và dân số khoảng 17.000 người. Phân kỳ thực hiện như sau:

- Giai đoạn từ nay đến năm 2025: chỉnh trang hoàn chỉnh khu trung tâm hiện hữu khoảng 400 ha, phát triển thêm 1 phần về phía Đông thị trấn diện tích khoảng 20-25 ha.

- Giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030: phát triển thêm khoảng 50 -60 ha về phía Đông và phía Đông Bắc và phía Tây Bắc thị trấn đảm bảo đến năm 2030 phát triển khoảng 500ha đất xây dựng đô thị.

### **\* Định hướng phát triển không gian đô thị:**

- Xác định khu trung tâm hiện có là trung tâm vùng lõi của đô thị Nhơn Hòa, tiếp tục định hướng đây là khu trung tâm hành chính cấp huyện và khu thương mại dịch vụ kết hợp khu dân cư có mật độ và hệ số sử dụng đất cao nhất của toàn đô thị. Từ không gian trung tâm vùng lõi này định hướng phát triển các không gian xung quanh về hướng Bắc, đây là hướng phát triển khá rộng có các tuyến đường liên xã nối với các xã lân cận, có các làng đồng bào đã sinh sống ổn định, quỹ đất nông nghiệp còn nhiều và khá thuận lợi. Vì vậy, xác định khu vực phía Bắc là vùng trung tâm thứ 2 của đô thị Nhơn Hòa, bao gồm các công trình về văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ, y tế, giáo dục... kết hợp với khu dân cư mật độ thấp, chủ yếu là nhà vườn, tăng quỹ đất cây xanh sân vườn tạo không gian mở thoáng cho đô thị.

- Hướng phát triển phía Đông của khu trung tâm thuộc các thôn Hòa Bình, Plei Tong Will, Thong A. Định hướng mở rộng đất xây dựng đô thị giai đoạn lâu dài bao gồm các công trình phúc lợi xã hội, khu dân cư có mật độ và hệ số sử dụng đất thấp, là vùng ven và là vùng đệm cho vùng lõi chính của đô thị.

- Hướng Nam và hướng Tây thuộc các thôn Hòa Phú, Hòa Hợp, Hòa An, Hòa Thắng, Plei Kia, Plei Lao, Pleiky Phun dân cư đã sinh sống ổn định, quỹ đất phát triển mở rộng không còn nhiều vì vậy định hướng chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, không gian kiến trúc đô thị tạo thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng cũng như quản lý xây dựng các khu vực dân cư đã ở ổn định tại khu vực này.

- Các tuyến đường như Hùng Vương, 30-4, Nguyễn Tất thành, Trường Chinh, Trần Hưng Đạo, Lý Thái Tổ và các tuyến đường vành đai phía Đông và phía Tây là các trục giao thông chính của đô thị Nâng cấp chỉnh trang về hạ tầng

kỹ thuật hoàn chỉnh cũng như các tuyến đường khác trong khu trung tâm. Đầu tư trục đường Hùng Vương đi qua thị trấn, Nguyễn Tất Thành, 30-4, Trường Chinh, là các trục cảnh quan chính làm điểm nhấn cho không gian đô thị.

- Vùng đất nông nghiệp phía Tây thị trấn tại vị trí giáp với đường tránh phía Tây và đường Trường Chinh có diện tích khoảng 70 ha định hướng xác định là khu vực cảnh quan cây xanh, vùng nông nghiệp sạch trong đô thị kết hợp với khu công viên Hồ Sen, khu hoa viên cây xanh phía Bắc giáp ranh với xã Ia Hứ tạo thành chuỗi các mảng xanh trong đô thị giúp điều hòa vi khí hậu cho toàn bộ thị trấn.

- Đối với giao thông vẫn xác định trục giao thông chính là đường Hùng Vương (Quốc lộ 14) đi qua thị trấn. Đường liên xã đi xã Ia Đreng, xã Chư Don, xã Hbông. Trục đường tránh phía Tây đang được đầu tư trong thời gian sắp tới và về lâu dài hình thành 2 tuyến đường vành đai phía Đông giai đoạn 1 và giai đoạn 2, sẽ tạo thành hệ thống giao thông khép kín kết hợp với các đường giao thông trong đô thị sẽ tạo chuỗi giao thông liên hoàn cho toàn thị trấn.

## 5.2. Quy hoạch sử dụng đất:

- Quy hoạch định hướng đến năm 2030 quỹ đất thị trấn cần mở rộng và phát triển thêm về phía Đông, Bắc và phía Tây Bắc.

- Cơ cấu sử dụng đất toàn thị trấn như sau:

**Bảng tổng hợp đất đai quy hoạch theo từng giai đoạn quy hoạch**

| STT        | Mục đích sử dụng đất                              | Hiện trạng năm 2018 |               | Định hướng đến năm 2025 |               | Định hướng đến năm 2030 |               |
|------------|---------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------------|---------------|-------------------------|---------------|
|            |                                                   | Diện tích (ha)      | Tỷ lệ (%)     | Diện tích (ha)          | Tỷ lệ (%)     | Diện tích (ha)          | Tỷ lệ (%)     |
| <b>I</b>   | <b>Đất xây dựng đô thị</b>                        | <b>369,24</b>       | <b>16,47%</b> | <b>450,00</b>           | <b>20,07%</b> | <b>500,00</b>           | <b>22,30%</b> |
| <b>1.1</b> | <b>Đất ở</b>                                      | <b>247,51</b>       | <b>11,04%</b> | <b>281,88</b>           | <b>12,57%</b> | <b>300,43</b>           | <b>13,40%</b> |
| 1.1.1      | Đất ở hiện trạng                                  | 247,51              |               | 247,51                  |               | 281,88                  |               |
| 1.1.2      | Đất ở định hướng quy hoạch                        |                     |               | 34,37                   |               | 18,55                   |               |
| <b>1.2</b> | <b>Đất công trình công cộng</b>                   | <b>26,36</b>        | <b>1,18%</b>  | <b>43,35</b>            | <b>1,93%</b>  | <b>43,35</b>            | <b>1,93%</b>  |
| 1.2.1      | Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước | 9,74                |               | 10,10                   |               | 10,10                   |               |
| 1.2.2      | Đất giáo dục - đào tạo                            | 10,62               |               | 27,25                   |               | 27,25                   |               |
| 1.2.3      | Đất y tế                                          | 6,00                |               | 6,00                    |               | 6,00                    |               |
| <b>1.3</b> | <b>Đất cây xanh, thể dục thể thao</b>             | <b>10,00</b>        | <b>0,45%</b>  | <b>18,73</b>            | <b>0,84%</b>  | <b>25,87</b>            | <b>1,15%</b>  |
| <b>1.4</b> | <b>Đất công cộng, thương mại - dịch vụ</b>        | <b>6,50</b>         | <b>0,29%</b>  | <b>17,34</b>            | <b>0,77%</b>  | <b>17,34</b>            | <b>0,77%</b>  |
| <b>1.5</b> | <b>Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật</b>         | <b>78,87</b>        | <b>3,52%</b>  | <b>88,70</b>            | <b>3,96%</b>  | <b>113,01</b>           | <b>5,04%</b>  |
| <b>II</b>  | <b>Đất khác</b>                                   | <b>1.872,68</b>     | <b>83,53%</b> | <b>1.791,92</b>         | <b>79,93%</b> | <b>1.741,92</b>         | <b>77,70%</b> |
| <b>2.1</b> | <b>Đất ở</b>                                      | <b>109,16</b>       | <b>4,87%</b>  | <b>207,90</b>           | <b>9,27%</b>  | <b>254,52</b>           | <b>11,35%</b> |
| 2.1.1      | Đất ở hiện trạng                                  | 109,16              |               | 109,16                  |               | 207,90                  |               |
| 2.1.2      | Đất ở định hướng quy hoạch                        |                     |               | 98,74                   |               | 46,62                   |               |
| <b>2.2</b> | <b>Đất an ninh, quốc phòng</b>                    | <b>5,12</b>         | <b>0,23%</b>  | <b>5,12</b>             | <b>0,23%</b>  | <b>5,12</b>             | <b>0,23%</b>  |
| <b>2.3</b> | <b>Đất dự phòng phát triển</b>                    |                     |               | <b>17,82</b>            | <b>0,79%</b>  | <b>39,69</b>            | <b>1,77%</b>  |
| <b>2.4</b> | <b>Đất nông nghiệp</b>                            | <b>1.734,73</b>     | <b>77,38%</b> | <b>1.503,70</b>         | <b>67,07%</b> | <b>1.381,27</b>         | <b>61,61%</b> |
| 2.4.1      | Đất lúa                                           | 462,10              |               | 462,10                  |               | 462,10                  |               |

|       |                                      |          |        |          |       |          |       |
|-------|--------------------------------------|----------|--------|----------|-------|----------|-------|
| 2.4.2 | Đất sản xuất nông nghiệp             | 1.272,63 |        | 1.041,60 |       | 919,17   |       |
| 2.5   | Đất tôn giáo, nghĩa trang, nghĩa địa | 8,26     | 0,37%  | 8,26     | 0,37% | 8,26     | 0,37% |
| 2.6   | Đất mặt nước                         | 9,53     | 0,43%  | 9,53     | 0,43% | 9,53     | 0,43% |
| 2.7   | Đất chưa sử dụng                     | 0,07     | 0,003% |          |       |          |       |
| 2.8   | Đất giao thông ngoài đô thị          | 5,88     | 0,26%  | 39,59    | 1,77% | 43,53    |       |
|       | Tổng cộng                            | 2.241,92 | 100%   | 2.241,92 | 100%  | 2.241,92 | 100%  |

## 6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

### 6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Trục đường vành đai phía Đông, phía Tây, các trục đường liên xã đi Ia Đreng, xã Chư Don, xã Hbông...
- Giao thông chính đô thị: Lấy trục đường Hùng Vương (quốc lộ 14), và các trục đường liên xã, đường Nguyễn Tất Thành, 30-4 là trục chính của đô thị;
- Công trình đầu mối: Bến xe huyện theo quy hoạch về khu vực phía Bắc thị trấn.

**Bảng tổng hợp hệ thống giao thông khu vực nội thị**

| Stt | Tên loại đường | Lòng đường (m) | Giải phân cách (m) | Vĩa hè (m) | Chỉ giới giao thông (m) |
|-----|----------------|----------------|--------------------|------------|-------------------------|
| 1   | Mặt cắt 1-1    | 9,0 x 2        | 2,0                | 7,5 x 2    | 35,0                    |
| 2   | Mặt cắt 2-2    | 9,0 x 2        | 2,0                | 5,0 x 2    | 30,0                    |
| 3   | Mặt cắt 3-3    | 15,0           |                    | 5,0 x 2    | 25,0                    |
| 4   | Mặt cắt 4-4    | 15,0           |                    | 5,0 x 2    | 27,5                    |
| 5   | Mặt cắt 5-5    | 10,5           |                    | 5,0 x 2    | 20,5                    |
| 6   | Mặt cắt 6-6    | 7,5            |                    | 5,0 x 2    | 17,5                    |
| 7   | Mặt cắt 7-7    | 7,5            |                    | 3,0 x 2    | 13,5                    |
| 8   | Mặt cắt 8-8    | 5,5            |                    | 3,0 x 2    | 11,5                    |
| 9   | Mặt cắt 9-9    | 4,5            |                    | 2,0 x 2    | 8,5                     |

### 6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Chuẩn bị nền đất xây dựng: Dựa vào ưu thế nền đất cao - Căn cứ vào cốt nền hiện hữu sẽ sử dụng phương pháp san lấp cân bằng đất tại chỗ.
- \* Cao độ nền xây dựng dự kiến :  $H \times D > 720,0m$
- \* Độ dốc nền xây dựng :  $i \times D : 0,004 < i \times D < 0,01$ .

### 6.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Hiện tại toàn thị trấn được cấp điện từ nguồn điện Quốc gia qua đường điện 22KV thuộc xuất tuyến 474 và 475 trạm biến áp trung gian E50-110/22KV Chư Sê hiện có.
- Căn cứ Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035.
- Căn cứ trên quy hoạch sử dụng đất thị trấn Nhơn Hòa giai đoạn 2020 đến 2030.
- \* Thiết kế lưới điện 110KV khu vực Chư Puh tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020.
- Xây dựng nhánh rẽ đường dây 110KV Chư Puh đấu nối trạm 110KV Chư Puh chuyển tiếp trên đường dây 110KV Chư Sê – Ayun Pa dài 9km.
- Xây dựng trạm 110/22KV Chư Puh quy mô công suất 2x40MVA lắp

trước 1 máy 1x40MVA, vận hành vào trước năm 2020.

Thiết kế lưới điện 110KV khu vực Chư Pưh tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

- Nâng cấp trạm 110/22KV Chư Pưh quy mô công suất 2x40MVA (lắp thêm 1 máy 1x40MVA)

- Tổng công suất cấp điện toàn khu quy hoạch:  $P = 10.314\text{KW}$

- Chọn hệ số sử dụng  $K_{sd} = 0,7$ ; hệ số  $\cos\varphi = 0,8$

- Tổng công suất của các trạm biến áp phụ tải  $S = 9.024\text{KVA}$ .

#### **6.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:**

- Hiện trạng thị trấn Nhơn Hòa có 01 trạm cấp nước sinh hoạt nằm tại khu trung tâm hành chính huyện, công suất  $827\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Nguồn nước sử dụng từ nguồn nước giếng khoan,  $H=80-100\text{m}$ .

- Dự kiến đến năm 2022 hoàn thiện đầu tư xây dựng hệ thống cấp để cung cấp nước sạch phục vụ nhân dân, với công suất  $4.000\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ , tổng chiều dài đường ống 54km. Nâng cấp, mở rộng, sử dụng nguồn nước từ Hồ thủy lợi Plei Thơ Ga A để cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Nhơn Hòa và vùng lân cận trên địa bàn huyện.

- \* Phương án cấp nước sinh hoạt cho thị trấn:

- Bổ sung xây dựng các tuyến ống cấp nước mới phục vụ nhu cầu các khu chức năng xây dựng mới. Kết nối phù hợp với mạng lưới ống hiện hữu đảm bảo cấp nước đủ, liên tục, an toàn cho nhu cầu dùng nước của thị trấn theo các giai đoạn phát triển.

- Mạng lưới đường ống bố trí dạng vòng, cắt kết hợp thuận tiện cho việc phân phối nước đến các điểm tiêu thụ. Vật liệu ống bằng gang dẻo, nhựa HDPE.

- Tính toán mạng lưới ống cấp nước: Mạng lưới tuyến ống chuyên tải được tính bằng chương trình Waterwork, trên cơ sở tính toán bằng phương trình Hazenwiliam.

- Tiếp tục sử dụng mạng lưới ống hiện có và đặt mới các tuyến ống cho các khu chức năng xây dựng mới đảm bảo cấp nước đủ cho nhu cầu của thị trấn.

- Duy trì, bảo dưỡng mạng lưới đường ống tránh thất thoát.

- Áp lực dự kiến trong mạng cấp 1 vào giờ cao điểm là  $\geq 15\text{m}$ . đủ cấp nước cho nhà cao từ 2 – 3 tầng.

- Để điều hòa áp lực và lưu lượng nước giờ cao điểm dùng máy bơm biến tần có điều khiển tự động.

- Nước được qua xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống : QCVN 01-2009/BYT rồi mới cấp cho sử dụng sinh hoạt.

#### **6.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý môi trường:**

- \* Giai đoạn đầu:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống mương thoát nước chung cho thị trấn để thu toàn bộ nước thải và nước mưa của nội thị xả ra khe suối. Nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình và các công trình công cộng phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại có ngăn lọc trước khi xả vào mương thoát chung . Trước khi thoát ra khe suối, tại cửa xả bố trí các bể xử lý sinh học nhiệm vụ lắng, cặn, chắn rác, xử lý nước trước khi thải ra môi trường tự nhiên sông suối.

- Tuyến mương thoát nước chung được xây dựng hai bên đường , hướng thoát về các khe tự thủy xung quanh thị trấn.

\* Giai đoạn dài hạn:

- Tuyến rãnh nhánh thu nước bản từ giếng nước tách nước bản vào cống thu nước bản chính được tính với lưu lượng nước thải chảy đầy 0,7 chiều cao rãnh là khi có mưa là chảy đầy cống (như vậy khi trời mưa hệ số thu nước là 1,3 lưu lượng nước thải bản lớn nhất), cống thu nước bản chính về trạm xử lý nước thải được tính với lưu lượng nước thải lớn nhất với hệ số là 1,3.

- Toàn bộ nước thải và một phần nước mưa được đưa về khu trạm xử lý nước bản. Tại trạm xử lý nước, xây dựng 2 bể chứa dung tích  $W1 = 1.000 \text{ m}^3/\text{bể}$  dự phòng khi mưa lớn và có van xả sự cố, dây chuyền xử lý nước thải bao gồm lý hóa và vi sinh. Nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn TCVN 7222-2002.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Đối với khu vực dân cư, công trình công cộng xây dựng hệ thống mương xây có đáy nắp đan.

+ Đối với khu công nghiệp, công viên cây xanh xây dựng hệ thống mương xây kết hợp kín và hở.

+ Hướng thoát dốc theo hướng địa hình, thoát nước mưa được phân thành nhiều lưu vực chủ yếu thoát về các khe tụ thủy suối.

+ Cống thoát nước mưa sử dụng cống tròn bê tông ly tâm có đường kính từ D800 đến D1500.

+ Mương xây đá hộc rộng 800, sâu trung bình 1000. Các đoạn qua đường dùng cống tròn bê tông ly tâm có đường kính D1000.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Tổng lưu lượng nước thải bằng 80% lượng nước cấp  $Q = 1.632 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm (bao gồm nước thải sinh hoạt, khách vẫn lai, công trình công cộng)

+ Lưu vực thoát nước thải theo lưu vực thoát mưa.

+ Do địa hình đồi dốc một số khu vực nước thải không tự chảy về trạm xử lý nước thải nên phải bố trí trạm bơm nước thải tự động.

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống các trạm bơm nước thải sinh hoạt. Công suất trạm 01 trạm xử lý nước thải tập trung 2.000/ngày/đêm, đặt phía Tây thị trấn.

**6.6. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:**

- Bãi rác quy hoạch tại xã Chư Don, quy mô 3,0 ha cách trung tâm thị trấn 6km.

+ Rác thải được phân loại trong các hộ gia đình, rác hữu cơ và vô cơ riêng.

+ Tiêu chuẩn rác thải đô thị loại V : 0,8kg/người ngày

+ Tổng lượng rác thải : 14 tấn/ngày.

+ Rác hữu cơ được thu gom hằng ngày bằng xe chuyên dùng, số lượng xe cần để thu gom rác khoảng 5 xe, rác vô cơ một tuần thu gom 2 lần.

- Quy hoạch khu vực nghĩa trang cách trung tâm thị trấn 4,5km, phía Đông thị trấn.

**6.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:**

+ Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường/100 dân: 4.250 thuê bao

+ Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định 15 - 20 thuê bao/100 dân: 3.400 thuê bao

+ Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 35 - 40 thuê bao/100 dân: 6.800 thuê

bao

+ Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40 - 45%; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 35 - 40%; tỷ lệ người sử dụng Internet 55 - 60%;

+ Tỷ lệ ADSL: 100% được sử dụng đường truyền ADSL.

- Nguồn cấp: Thị trấn Nhơn Hòa được cấp nguồn từ tổng đài vệ tinh Chư Pưh nằm trên địa bàn thị trấn.

#### **7. Một số quy định về không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị:**

- Vùng trung tâm hành chính huyện: Đây là khu vực có vai trò là trung tâm hành chính - chính trị của thị trấn, gắn với các không gian chức năng của đô thị như trung tâm hành chính, các công trình văn hoá, y tế, thương mại- dịch vụ, an ninh - quốc phòng... Định hướng cải tạo, bảo tồn, chỉnh trang mỹ quan đô thị, hệ thống giao thông, tăng mật độ xây dựng và tầng cao đối với các công trình nhà nước, công trình công cộng. Khu dân cư hiện hữu với mật độ xây dựng thấp, tăng mật độ cây xanh...

- Trục cảnh quan đô thị: Khai thác không gian dọc tuyến đường Quốc lộ 14 với các công trình thương mại - dịch vụ... tạo bộ mặt cho thị trấn Nhơn Hòa.

- Vùng phát triển thương mại - dịch vụ: Phát triển dọc theo đường quốc lộ 14 và phía Tây Bắc khu trung tâm thị trấn, kết hợp với các công trình thương mại dịch vụ hiện có trong vùng lõi của đô thị, kết hợp khai thác và phát triển các khu vực thương mại - dịch vụ xung quanh các làng văn hóa truyền thống của địa phương.

- Vùng kiến trúc công nghiệp: Khu sản xuất, kinh doanh tập trung nằm về phía Nam thị trấn. Định hướng phát triển hình ảnh khu công nghiệp hiện đại, nhiều cây xanh và môi trường sạch.

- Vùng cảnh quan đô thị: Với ưu thế về địa hình, điều kiện cảnh quan thị trấn Nhơn Hòa có nhiều lợi thế để khai thác không gian cảnh quan nhằm tạo nên những không gian cảnh quan đặc thù riêng. Hệ thống cảnh quan được chia thành các vùng cơ bản như sau:

+ Vùng cảnh quan khu trung tâm hành chính: nằm tại vị trí khu trung tâm hiện hữu, phía Đông Đường quốc lộ 14, định hướng phát triển thành khu trung tâm hành chính công cộng, thương mại - dịch vụ và khu ở mới. Tạo điểm nhấn quan trọng về cảnh quan cho thị trấn.

+ Vùng cảnh quan đô thị mới: nằm phía Đông, Bắc và Tây Bắc của thị trấn, là khu vực có địa hình thuận lợi cho phát triển và mở rộng đô thị. Do đó, định hướng bố trí thêm các công trình công cộng, thương mại dịch vụ, thể dục thể thao, hoa viên cây xanh,... nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và tạo thêm điểm nhấn cho khu vực này.

+ Vùng cảnh quan văn hóa bản địa: Là khu vực gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp và khu vực làng đồng bào của thị trấn, đóng vai trò là không gian văn hóa dân tộc bản địa kết hợp không gian xanh đậm.

**Điều 2.** Giao UBND huyện triển khai căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Giao Thường trực HĐND, Ba Ban HĐND huyện và Đại biểu HĐND huyện tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh khóa IX, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày      tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp tỉnh;
- TT Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND-UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh tại huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị ĐB HĐND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Thường trực HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, các CV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Hường**

Số: /NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch**  
**phát triển kinh tế - xã hội năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH**  
**KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo, tờ trình của Thường trực HĐND huyện, UBND huyện; thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân huyện, Tòa án nhân dân huyện, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Báo cáo số 133/BC-HĐND ngày 05/12/2018 của Thường trực HĐND huyện và Báo cáo số 426/BC-UBND ngày 12/12/2018 của UBND huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2018 và kế hoạch, nhiệm vụ công tác năm 2019.

**I. Về tình hình thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ năm 2018**

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các sở, ngành của tỉnh, sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát của HĐND huyện, sự phối hợp của MTTQ và các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp trong huyện. UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các mặt công tác; đã phấn đấu đạt và vượt 16/25 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu mà Nghị quyết HĐND huyện khóa IX, Kỳ họp thứ năm đã đề ra.

Giá trị tăng trưởng kinh tế năm 2018 (theo giá so sánh 2010) đạt 7,40%, trong đó nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,56%, công nghiệp - xây dựng tăng 9,98%, dịch vụ tăng 10,03%; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch phù hợp. Thu nhập bình quân đầu người đạt 41,05 triệu đồng/năm.

Tổng diện tích gieo trồng năm 2018 thực hiện là 23.755 ha, đạt 100,2% kế hoạch, đạt 100,72% so cùng kỳ (vụ Đông xuân TH 1.697,4 ha; vụ Mùa 22.057,6 ha); Năng suất đạt 48,39 tạ/ha, tăng 1,01 tấn/ha so với cùng kỳ, sản lượng đạt 9.765 tấn, tăng 748,63 tấn, đạt 100,55% so với cùng kỳ. Giá trị công nghiệp-XDCB (giá so sánh năm 2010) đạt 889,85 tỷ đồng, đạt 96,44% kế hoạch năm, so với cùng kỳ đạt 108,24%. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thực hiện 113,237 tỷ đồng, đạt 107,45%. Tổ chức thành công Hội thảo liên kết chuỗi giá trị sản xuất về nông nghiệp, điện năng và Phiên chợ nông sản an toàn, tại buổi

diễn ra; công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại của một số phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn còn chậm (đặc biệt là lĩnh vực đất đai); tình hình móc nối phục hồi hoạt động FULRO, "Tin lành Đêga", lôi kéo người dân tộc thiểu số vượt biên chưa được ngăn chặn triệt để. An ninh nông thôn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp liên quan đến tranh chấp đất đai của người dân với Công ty được nhà nước giao đất; duới nước vẫn còn xảy ra.

## **II. Về mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2019**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Triển khai thực hiện chủ đề năm 2019 là “kỷ cương, quyết tâm, hiệu quả”. Tiếp tục tập trung cải thiện môi trường đầu tư, khắc phục các chỉ số cải cách hành chính; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển; hỗ trợ sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; chủ động thu hút các nhà đầu tư, huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ gắn với phát triển nông nghiệp nông thôn; bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân; phát triển giáo dục - đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tận dụng các cơ hội phát triển của cuộc Cách mạng công nghệ 4.0. Chủ động phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí biên chế theo hướng tinh gọn, hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giữ vững môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **2.1. Các chỉ tiêu kinh tế**

- |                                                         |                  |
|---------------------------------------------------------|------------------|
| (1) Tốc độ tăng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) | 7,52%.           |
| + Nông - Lâm nghiệp tăng:                               | 4,20%.           |
| + Công nghiệp - Xây dựng tăng:                          | 10,14%.          |
| + Thương mại - Dịch vụ tăng:                            | 10,73%.          |
| (2) Cơ cấu kinh tế                                      |                  |
| + Nông - Lâm nghiệp:                                    | 46,25%.          |
| + Công nghiệp - Xây dựng:                               | 29,63%.          |
| + Thương mại - Dịch vụ:                                 | 24,12%.          |
| (3) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới:                      | 01 xã.           |
| (4) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:           | 47,086 tỷ đồng.  |
| (5) Tổng chi ngân sách năm 2018:                        | 328,326 tỷ đồng. |
| (6) Tổng mức đầu tư toàn xã hội:                        | 1050,3 tỷ đồng.  |
| (7) Thu nhập bình quân đầu người:                       | 42,7 trđ/người.  |
| (8) Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng:              | 83,61 tr đồng.   |

#### **2.2. Các chỉ tiêu văn hóa xã hội**

doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp. Tập trung rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện.

**3.4.** Triển khai các giải pháp huy động các nguồn lực để đầu tư, tranh thủ sự giúp đỡ của các sở, ngành của tỉnh để vận động tài trợ vốn và các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển cho huyện, quản lý, giám sát chặt chẽ công tác đầu tư công. Tăng cường kiểm tra, quản lý thống nhất, bảo đảm các dự án đầu tư phải đúng theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Triển khai thực hiện đấu thầu qua mạng theo đúng lộ trình. Đối với các dự án khởi công mới năm 2019 phải hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, dự toán, thiết kế để khởi công, thực hiện ngay từ đầu năm.

**3.5.** Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách; phân bổ dự toán sát thực tế nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài chính. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là các khoản chi thường xuyên, các khoản chi liên quan đến mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền; giảm tối đa kinh phí hội nghị, hội thảo, tham quan giao lưu học hỏi kinh nghiệm, giảm việc bố trí các dự án, nhiệm vụ chi với khả năng cân đối nguồn lực. Quản lý chặt chẽ nhà, đất, tài sản công, xe công; Các xã, thị trấn chủ động đề ra giải pháp, chỉ đạo quyết liệt, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019. Tăng cường công tác kiểm tra thuế, xử lý thu nợ đọng thuế; bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách.

**3.6.** Tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho giáo viên và học sinh, đặc biệt đối với học sinh bán trú ở vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn. Tập trung nguồn lực cho công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tỷ lệ trường chuẩn quốc gia năm 2019. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Khắc phục và ngăn ngừa có hiệu quả tình trạng học sinh bỏ học, hiện tượng bạo lực học đường, phòng tránh tai nạn đuối nước, phòng chống tệ nạn xã hội trong học sinh.

**3.7.** Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa ngành y tế, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ cho khám, chữa bệnh. Nâng cao khả năng quản lý và xử lý chất thải y tế. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.

**3.8.** Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phát động các phong trào thi đua, hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày Lễ lớn, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện. Tổ chức các Hội thi, các giải đấu thể thao, văn nghệ và tham gia đầy đủ các hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao do tỉnh tổ chức. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn

Bảng thông qua.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết của HĐND huyện.

HĐND huyện kêu gọi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang, các tầng lớp nhân dân trong huyện phát huy truyền thống đoàn kết, tự lực tự cường, không ngừng đổi mới và sáng tạo, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá XI, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBNDTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, NC, CVHĐ.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Hường**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PƯH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày tháng 12 năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề  
của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH  
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện tại Tờ trình số 135/TTr-HĐND ngày 05/12/2018 về đề nghị thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân huyện năm 2019,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân huyện năm 2019 cụ thể như sau:

- Phạm vi: giám sát trực tiếp và giám sát qua báo cáo.
- Đối tượng: các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn được giao nhiệm vụ liên quan đến nội dung của ba chuyên đề sau đây.
- Nội dung 3 chuyên đề:

(1) Tình hình thực hiện đo đạc, cấp Giấy chứng nhận QSD đất trên địa bàn huyện.

(2) Về thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn huyện năm 2017- 2018.

(3) Tình hình đăng ký quản lý và hậu kiểm, đăng ký kinh doanh dịch vụ của hộ, kinh tế tập thể, cá nhân.

**Điều 2.** Thành phần Đoàn giám sát gồm

- Phó Chủ tịch HĐND huyện.
- Đại diện lãnh đạo: Trưởng, Phó Ba Ban HĐND huyện.
- Thành viên Ba Ban HĐND huyện.
- Mời Đại diện Ban Thường trực UBMTTQ huyện và một số cơ quan, đơn vị liên quan làm thành viên.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân huyện giao

- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện thành lập Đoàn, chỉ đạo, đôn đốc xây dựng kế hoạch, đề cương từng nội dung giám sát cụ thể.

- Đoàn giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, xây dựng đề cương các nội dung giám sát cụ thể; tổ chức giám sát, báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện. Đoàn giám sát tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Văn phòng HĐND&UBND huyện tham mưu, đảm bảo các điều kiện phục vụ hoạt động của Đoàn giám sát.

**Điều 4.** Thường trực HĐND, Đoàn giám sát, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Văn phòng HĐND&UBND huyện và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh khóa IX, Kỳ họp lần thứ 7 thông qua vào ngày 21 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2019./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh.
- UBND tỉnh.
- Sở Tư pháp tỉnh.
- Thường trực Huyện ủy.
- Thường trực HĐND huyện.
- UBND huyện.
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện.
- Các Ban HĐND huyện.
- Đại biểu HĐND huyện.
- Cơ quan, đơn vị liên quan.
- TT HĐND&UBND các xã, thị trấn.
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện.
- Lưu: VT, CVHD.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Hùng**

Số: /NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày tháng 12 năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ năm 2019  
của HĐND huyện khoá IX, nhiệm kỳ 2016-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH  
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Xét Tờ trình số 134/TTr-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Thường trực HĐND huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện khóa IX như Tờ trình số 134/TTr-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Thường trực HĐND huyện, cụ thể như sau:

**1. Thời gian, địa điểm tổ chức kỳ họp**

**a) Thời gian:** Trong năm 2019, HĐND huyện tổ chức 02 kỳ họp thường lệ, cụ thể như sau:

- Kỳ họp lần thứ Tám (giữa năm): dự kiến cuối tháng 6 năm 2019.
- Kỳ họp lần thứ Chín (cuối năm) dự kiến trung tuần tháng 12 năm 2019.

**b) Địa điểm:** Hội trường 10/12 huyện.

**2. Nội dung dự kiến trình tại các kỳ họp thường lệ HĐND huyện**

Tại kỳ họp lần thứ Tám và thứ Chín HĐND huyện khóa IX dự kiến sẽ tập trung xem xét một số nội dung sau:

| TT | Nội dung trình HĐND huyện xem xét tại các Kỳ họp thường lệ của HĐND huyện khóa IX trong năm 2019                                                 | Cơ quan, đơn vị trình                |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| I  | <b>TẠI KỲ HỌP GIỮA NĂM 2019 (Kỳ họp thứ Tám)</b>                                                                                                 |                                      |
| 1  | Báo cáo tình hình hoạt động của Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND huyện 06 tháng đầu năm và chương trình hoạt động 06 tháng cuối năm 2019 | Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện |
| 2  | Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri                                                                                                        | Thường trực HĐND huyện               |
| 3  | Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát 06 tháng đầu năm 2019 của Thường trực HĐND huyện; HĐND huyện                                     | Thường trực HĐND huyện               |

|           |                                                                                                                                                                                                      |                                                                       |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 4         | Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện qua các đợt giám sát, khảo sát                                                                                           | Thường trực HĐND huyện                                                |
| 5         | Báo cáo kết quả giám sát 06 tháng đầu năm 2019 của các Ban HĐND huyện                                                                                                                                | Các Ban HĐND huyện                                                    |
| 6         | Chương trình giám sát của HĐND huyện năm 2020                                                                                                                                                        | Thường trực HĐND huyện                                                |
| 7         | Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển Kinh tế - VHXH - QPAN 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp 06 tháng cuối năm 2019                                                   | UBND huyện                                                            |
| 8         | Báo cáo quyết toán thu chi ngân sách năm 2018                                                                                                                                                        | UBND huyện                                                            |
| 9         | Báo cáo tình hình thu chi ngân sách 06 tháng đầu năm và dự toán thu chi ngân sách 06 tháng cuối năm 2019                                                                                             | UBND huyện                                                            |
| 10        | Báo cáo công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, 06 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2019 | UBND huyện                                                            |
| 11        | Báo cáo công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông 06 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2019                          | UBND huyện                                                            |
| 12        | Báo cáo tình hình đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp chuyển nhượng, cấp đổi trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2019                                                                  | UBND huyện                                                            |
| 13        | Báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; trả lời các kiến nghị của Ủy ban MTTQ huyện, 3 Ban của HĐND huyện tại kỳ họp                                                            | UBND huyện                                                            |
| 14        | Thông báo về tình hình tham gia xây dựng chính quyền và các ý kiến, kiến nghị đối với HĐND, UBND huyện, đại biểu HĐND huyện 6 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2019           | Ủy ban MTTQVN huyện                                                   |
| 15        | Báo cáo tình hình hoạt động 06 tháng đầu năm và chương trình công tác 06 tháng cuối năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Cục Thi hành án dân sự huyện                             | Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Chi cục Thi hành án Dân sự |
| 16        | Tờ trình đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2018                                                                                                                                             | UBND huyện                                                            |
| 17        | Tờ trình đề nghị điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ chi 6 tháng cuối năm 2019                                                                                                                              | UBND huyện                                                            |
| 18        | Các nội dung khác do Thường trực HĐND, UBND huyện trình                                                                                                                                              | Thường trực HĐND huyện, UBND huyện                                    |
| <b>II</b> | <b>TẠI KỶ HỌP CUỐI NĂM 2019 (Kỳ họp thứ Chín)</b>                                                                                                                                                    |                                                                       |

|    |                                                                                                                                                                               |                                                                       |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1  | Báo cáo tình hình công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện năm 2019, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2020                                                         | Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện,                                 |
| 2  | Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri                                                                                                                                     | Thường trực HĐND huyện                                                |
| 3  | Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm 2019 của Thường trực HĐND huyện; HĐND huyện.                                                                              | Thường trực HĐND huyện                                                |
| 4  | Báo cáo kết quả giám sát năm 2019 của các Ban HĐND huyện.                                                                                                                     | Các Ban của HĐND huyện                                                |
| 5  | Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện qua các đợt giám sát, khảo sát                                                                    | Thường trực HĐND huyện                                                |
| 6  | Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri tại các kỳ họp trước                                                                                            | Thường trực HĐND huyện                                                |
| 7  | Báo cáo kết quả tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2020                                | UBND huyện                                                            |
| 8  | Báo cáo tình hình thu - chi ngân sách năm 2019, dự toán thu chi và phân bổ ngân sách năm 2020                                                                                 | UBND huyện                                                            |
| 9  | Báo cáo công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 | UBND huyện                                                            |
| 10 | Báo cáo tình hình đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp chuyển nhượng, cấp đổi trên địa bàn huyện năm 2019                                                       | UBND huyện                                                            |
| 11 | Báo cáo công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông năm 2019, các kế hoạch năm 2020                                   | UBND huyện                                                            |
| 12 | Thông báo về tình hình tham gia xây dựng chính quyền và các ý kiến, kiến nghị đối với HĐND, UBND huyện, đại biểu HĐND huyện năm 2019 và chương trình công tác năm 2020        | Ủy ban MTTQVN huyện                                                   |
| 13 | Báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 và nhiệm vụ công tác năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Cục Thi hành án dân sự huyện                                | Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Chi cục Thi hành án Dân sự |
| 14 | Tờ trình kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ năm 2020                                                                                                                           | Thường trực HĐND huyện                                                |

|    |                                                                                                                                           |                                    |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 15 | Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân năm 2020                                                                          | Thường trực HĐND huyện             |
| 16 | Tờ trình đề nghị thông qua các chỉ tiêu kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và danh mục đầu tư XDCB năm 2020                             | UBND huyện                         |
| 17 | Tờ trình về dự toán thu, chi ngân sách năm 2020                                                                                           | UBND huyện                         |
| 18 | Tờ trình đề nghị thông qua định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2020                                                      | UBND huyện                         |
| 19 | Báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; trả lời các kiến nghị của Ủy ban MTTQ huyện, 3 Ban của HĐND huyện tại kỳ họp | UBND huyện                         |
| 20 | Các nội dung khác do Thường trực HĐND, UBND huyện trình                                                                                   | Thường trực HĐND huyện, UBND huyện |

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có các chế độ, chính sách mới phát sinh hoặc theo đề nghị của các cơ quan chuyên môn, Thường trực HĐND, UBND huyện trình HĐND huyện bổ sung nội dung vào kỳ họp gần nhất theo quy định.

**Điều 2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh khóa IX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- UBND TTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND;
- Lưu: VT, CVHĐ.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Hường**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PƯH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày tháng 12 năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH và  
danh mục công trình đầu tư XDCB năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH  
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

Xét đề nghị của UBND huyện Chư Pưh tại Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc đề nghị thông qua các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 như nội dung Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Chư Pưh.

**Điều 2.** Các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội chủ yếu và danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội chủ yếu:

a. Kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt: 7,52%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 42,7 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất (theo giá cố định năm 2010) là 3.417,99 triệu đồng.

- Cơ cấu kinh tế: + Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm: 46,25%.

+ Công nghiệp - xây dựng chiếm: 29,63%.

+ Thương mại - Dịch vụ chiếm: 24,12%.

- Tổng thu ngân sách địa phương: đạt 343,746 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách huyện trên địa bàn đạt 47,086 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương: đạt 328,236 tỷ đồng, trong đó chi cho đầu tư phát triển 28,83 tỷ đồng.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ: 734,8 tỷ đồng, tăng 12,29% so với năm 2018.

- Tổng diện tích gieo trồng là 23.858 ha, trong đó lúa vụ Đông xuân là 700 ha.

- Giá trị sản phẩm trên 1 ha là 83,61 triệu đồng.

b. Văn hóa, Xã hội, Y tế, Giáo dục:

- Dân số trung bình trên địa bàn huyện năm 2019 là 75.341 người. Tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,43%.

- Tỷ lệ hộ nghèo 8,06%.

- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT 95,8%.

- Số lao động được giải quyết việc làm trong năm 900 người.

- Tỷ lệ duy trì sĩ số đạt 99,5%. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 98%; xây dựng trường chuẩn Quốc gia cấp độ 1: 02 trường.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đủ liều đạt 97%; tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng 19,1%; tỷ lệ Trạm Y tế có bác sỹ 88,89%.

- Số thôn, làng đạt chuẩn văn hóa: 02 thôn, làng; số giờ phát sóng phát thanh: 15.330 giờ; số giờ phát sóng truyền hình: 5.400 giờ.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%.

2. Danh mục đầu tư XDCB năm 2019: tổng kế hoạch vốn năm 2018 là 55,944 tỷ đồng, thuộc các nguồn vốn: tỉnh phân cấp 11.800 triệu đồng; nguồn tiền sử dụng đất 17.000 triệu đồng; kiến thiết thị chính 4.400 triệu đồng; ngân sách tỉnh 19.900 triệu đồng; ngân sách Trung ương: tỉnh chưa bố trí kế hoạch vốn; kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa 2.844 triệu đồng.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Giao Thường trực HĐND, Ba Ban HĐND huyện và Đại biểu HĐND huyện tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Puh khóa IX, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày      tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp tỉnh;
- TT Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND-UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh tại huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị ĐB HĐND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Thường trực HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, các CV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Hường**

Số: /NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua định mức phân bổ kinh phí  
cho các đơn vị dự toán năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Xét đề nghị của UBND huyện Chư Pưh tại Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 17/12/2018 về việc phê duyệt định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2018, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2018 như nội dung Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Chư Pưh, trong đó:

|                   |                             |
|-------------------|-----------------------------|
| - Khối QLNN:      | 10,686,967,540 đồng.        |
| - Khối Đảng:      | 5,274,563,560 đồng.         |
| - Khối Đoàn thể:  | 3,822,055,552 đồng.         |
| <b>Tổng cộng:</b> | <b>19.783.586.652 đồng.</b> |

*(có Biểu chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh triển khai thực hiện theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành.

Giao Thường trực HĐND, Ba Ban HĐND huyện và Đại biểu HĐND huyện tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh khóa IX, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp tỉnh;
- TT Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND -UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh tại huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị ĐB HĐND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc huyện;
- Thường trực HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, các CV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Hường**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PƯH**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Chư Pưh, ngày tháng 12 năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 17/12/2018 về việc phê duyệt dự toán thu - chi ngân sách năm 2018, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua dự toán thu - chi ngân sách năm 2019 như nội dung Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh, gồm:

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2018: 343.746 triệu đồng. Trong đó huyện hưởng là: 328.236 triệu đồng, Trung ương và tỉnh hưởng 15.510 triệu đồng.

+ Thu Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp: 31.576 triệu đồng, tăng thu so với kế hoạch tỉnh 8.056 triệu đồng.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 296.660 triệu đồng.

- Tổng chi ngân sách năm 2017: 328.236 triệu đồng, trong đó:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 28.832 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên: 289.104 triệu đồng.

+ Chi dự phòng ngân sách: 6.400 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn tăng thu: 1.056 triệu đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa: 2.844 triệu đồng.

(Có Biểu chi tiết kèm theo)